

## DANH MỤC

### Tài liệu ôn tập thi Vòng 1 kỳ tuyển dụng viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2023

(Kèm theo Thông báo số 09/TB-HĐTD ngày 02/10/2023  
của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2023)

Hội đồng tuyển dụng viên chức thông báo danh mục tài liệu ôn tập thi vòng 1 kỳ tuyển dụng viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường như sau:

#### **A. Môn kiến thức chung:**

1. Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban chấp hành Trung ương về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

2. Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

3. Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

4. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019 (phần viên chức).

5. Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

6. Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20/9/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

#### **B. Môn ngoại ngữ (Tiếng Anh):**

Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*Nội dung của bậc 2 tại phần IV Nội dung Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; trong đó tập trung vào những nội dung theo hướng dẫn kèm theo*)

Các tài liệu tiếng Anh ở trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*thí sinh tham khảo thêm*).

#### **C. Môn tin học:**

Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (*Phụ lục số 01 Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông*).

- Các tài liệu hướng dẫn, giáo trình, sách về tin học căn bản, tin học văn phòng (*thí sinh tham khảo thêm*).

## HƯỚNG DẪN ÔN TẬP MÔN TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ BẬC 2 (A2)

### I. Yêu cầu về nội dung:

Trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

**1. Ngữ pháp:** Cần nắm chắc những nội dung sau.

a) Parts of speech (từ loại):

- Động từ: to be, to have, to do, to make, to answer, to bring, to make,...
  - Động từ khuyết thiếu: can, could, may, might, have to, have got to, should, must, would ....
  - Phrasal verbs (cụm động từ): go away, take off, give up, call back, get back, get off...
  - Danh từ: Danh từ số ít, số nhiều; danh từ đếm được, không đếm được; danh từ ghép; sở hữu của danh từ.
  - Tính từ: Tính từ sở hữu; tính từ chỉ màu sắc, kích cỡ, hình dạng, tính chất, quốc tịch.
  - Trạng từ: Trạng từ chỉ tần suất, trạng từ chỉ mức độ, trạng từ chỉ thời gian, địa điểm, quan điểm, trạng từ tình thái.
  - Đại từ: Đại từ nhân xưng, đại từ bất định.
  - Mạo từ: a, an, the
  - Giới từ: to, with, of, about, on, under...
  - Liên từ: and, because, when, until, which, where, although, while, during, however, but, therefore, so, so that...
  - Câu nghi vấn.
  - Từ chỉ số thứ tự, số đếm, tiểu từ
- b) Thì của động từ: Hiện tại, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, hiện tại hoàn thành tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, tương lai đơn, tương lai gần, tương lai tiếp diễn;
- c) Gerunds and to infinitive: ví dụ: enjoy doing, like doing, want to do, decide to do, manage to do, used to do, ...;
- d) So sánh bằng, so sánh hơn và hơn nhất.
- e) Câu điều kiện loại 1, 2.
- f) Câu bị động.
- g) Câu hỏi đuôi.
- h) Câu trực tiếp gián tiếp.
- i) Đại từ quan hệ: who, that, which, where...
- j) Một số cấu trúc câu cố định: so...that/such...that/ be too adj to do/...

## **2. Từ vựng:**

a) Yêu cầu nắm vững các từ vựng thông dụng thuộc các chủ đề quen thuộc: countries; objects; the family, food and drinks; jobs; leisure activities; rooms; household goods; languages; shops and shopping; city and country; clothes; the weather; describing feelings; at the airport; at the train station; in a café, on the phone, schools; environment, meals, music, parties, sports, seasons, famous people, TV, love and friendship, people's background, describing countries, daily life, buying things, bands and music, travelling abroad, describing feelings and situations, celebrities, ways of communication, talking about past experience, short stories, ...

b) Ngoài ra, cần nắm được:

- Cách biến đổi dạng của từ: Ví dụ: die (v) → dead (adj) → death (n)
- Đoán được từ trong ngữ cảnh: words in context;
- Synonyms and antonyms.

## **3. Ngữ âm:**

Phân biệt cách phát âm các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh ở cấp độ từ; trọng âm của các từ 2-3 âm tiết.

## **4. Đọc hiểu:**

Đọc hiểu và trả lời câu hỏi liên quan đến bài đọc có độ dài từ 150-250 từ về các chủ đề quen thuộc như phần 2.

## **5. Viết:**

Biết cách chuyển đổi, diễn đạt những câu đơn, câu ghép và câu phức hợp theo một cách khác mà không thay đổi nghĩa; biết cách chuyển từ câu chủ động sang bị động, trực tiếp sang gián tiếp và ngược lại./.